

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2020/HC-PT
Ngày 28/7/2020;
*V/v hủy quyết định cưỡng chế
thu hồi đất và yêu cầu lập phương án
bồi thường, hỗ trợ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;
Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 49/2020/TLPT-HC ngày 15/01/2020 về việc khởi kiện “Yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế thu hồi đất”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2019/HC-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5320/2020/QĐ-PT ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1967. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Th (vợ ông Nguyễn Văn A), sinh năm 1969; địa chỉ cư trú tại thôn Y, xã Tr, huyện P, tỉnh B (theo Giấy ủy quyền ngày 11/6/2019); có mặt tại phiên tòa.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P; địa chỉ trụ sở Ủy ban nhân dân tại Thị trấn C, huyện P, tỉnh B; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy S là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P; có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện P. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy S là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P theo Giấy ủy quyền ngày 08/5/2019; có đơn xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú tại thôn Y, xã Tr, huyện P, tỉnh B; có mặt tại phiên tòa.

3. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn xây dựng I; địa chỉ công ty tại: Lô 3-N9 đường Ng, phường V, thành phố B, tỉnh B. Đại diện công ty là bà Nguyễn Thị M

làm Giám đốc công ty; ngày 20/7/2020 bà Nguyễn Thị M có đơn xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn A và các tài liệu do Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Nguyễn Văn A là chủ sử dụng hợp pháp một số diện tích đất nông nghiệp tại thôn Y, xã Tr, huyện P, tỉnh B. Ngày 10/01/2017, Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh B ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất để giao đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hoàn trả vốn dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường trục xã Tr, huyện P theo hình thức BT. Theo đó, gia đình ông Nguyễn Văn A là một trong những hộ gia đình có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi. Tổng diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông A bị thu hồi là 183,6m²; số tiền gia đình ông A được bồi thường là 80.600.400 đồng. Cho rằng giá đất được bồi thường là quá thấp nên ông Nguyễn Văn A (bà Th) không đồng ý và không nhận số tiền bồi thường.

Ngày 28/09/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 7285/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với 60 hộ gia đình tại thôn Y, xã Tr, huyện P trong đó có gia đình ông N với lý do: Gia đình ông A không chấp hành Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện, không nhận bồi thường, hỗ trợ; không bàn giao đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hoàn trả vốn dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Tr, huyện P theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT). Ngày 24/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Thông báo số 110/TB-UBND về việc thông báo tổ chức cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất nông nghiệp đối với những hộ dân chưa giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Ông Nguyễn Văn A cho rằng, việc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định 7285/QĐ-UBND ngày 28/09/2018 là trái với quy định của pháp luật dẫn tới việc ban hành Thông báo số 110/TB-UBND không đúng vì các lý do: (1) Trình tự thủ tục thu hồi đất không đúng quy định pháp luật do không khảo sát, không kiểm đếm tài sản trên đất, không niêm yết công khai phương án, sau đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã vội vàng ra quyết định cưỡng chế thu hồi đất không đúng với quy định tại Điều 67 của Luật đất đai; (2) Về giá bồi thường: Ủy ban nhân dân huyện P áp dụng mức 158.040.000 đồng/360m² (439.000 đồng/m²) là quá rẻ, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Ông yêu cầu phải bồi thường theo mức giá là 1.200.000.000 đồng/sào (Một tỷ hai trăm triệu đồng/sào); (3) Trên diện tích đất của gia đình ông bị thu hồi có trồng cây ăn quả, khi cưỡng chế, Ủy ban nhân dân huyện P thu hồi đất song không tiến hành kiểm đếm và không bồi thường thỏa đáng cho gia đình ông. Theo đó, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B: (1) Hủy một phần Quyết định số 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với hộ gia đình ông. (2) Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện P lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông với số tiền là 612.000.000 đồng (Sáu trăm mười hai triệu đồng) đối với diện tích 183,6m² đất nông nghiệp bị thu hồi.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Dự án Đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp mở rộng đường trục xã Tr, huyện P được thực hiện theo hình thức Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); Ủy ban nhân dân tỉnh B đã có quyết định chủ trương đầu tư đối với Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường trục xã Tr, huyện P theo hình thức BT. Do vậy, việc thu hồi đất này thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng theo quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 10/01/2017, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất để giao đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hoàn trả vốn dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp, mở rộng đường trục xã Tr, huyện P theo hình thức BT.

Ngày 31/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 7854/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất.

Kết quả thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ tính đến ngày 30/10/2018, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã tổ chức 10 đợt chi trả tiền. Một số hộ gia đình cố tình không nhận tiền bồi thường và không bàn giao đất theo quy định. Lý do các hộ gia đình không nhận tiền bồi thường vì đều cho rằng giá bồi thường, hỗ trợ theo quyết định phê duyệt là quá thấp, các hộ yêu cầu được thỏa thuận bồi thường và đề nghị được mua đất ở với giá ưu đãi.

Theo Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 10/01/2017, được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 7854/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P thì: Hộ gia đình ông Nguyễn Văn A có tổng diện tích bị thu hồi là 183,6m²; tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 80.600.400 đồng. Việc chi trả tiền bồi thường do Nhà đầu tư là Công ty TNHH xây dựng I ứng trước để thực hiện.

Đây là dự án Nhà nước thu hồi đất để giao đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở hoàn trả vốn dự án đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp, mở rộng đường trục xã Tr, huyện P theo hình thức BT nên giá bồi thường được áp dụng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh B tại Quyết định 552/2014/QĐ-UBND ngày 28/12/2014 và Quyết định 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014; tổng đơn giá bồi thường hỗ trợ đối với 360m² (01 sào Bắc Bộ) đất nông nghiệp giao lâu dài trên địa bàn huyện là 158.040.000 đồng.

Về việc cưỡng chế thu hồi đất: Do việc chi trả tại thôn Y, xã Tr gặp nhiều khó khăn do các hộ không đồng ý với đơn giá bồi thường. Ngày 20/4/2018, Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh B ban hành Quyết định số 3204/QĐ-UBND thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất; Ủy ban nhân dân xã Tr thành lập Tổ vận động thu hồi đất tại Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 26/4/2018. Sau 03 đợt vận động tuyên truyền thu hồi đất của xã Tr tiến hành vận động các hộ gia đình nhận tiền bồi thường để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, tính đến 26/5/2018, còn 60/118 hộ gia đình có đất thu hồi thôn Y chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Ngày 29/8/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh B có Văn bản số 333/UBND-TNMT về việc đồng ý cho Ủy ban nhân dân huyện P cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Tr, huyện P theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT). Ngày 28/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh B ban hành Quyết định số 7285/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với 60 hộ gia đình thôn Y, xã Tr do cố tình không nhận tiền bồi thường và không giao mặt bằng, trong đó có gia đình ông Nguyễn Văn A. Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện khẳng định thẩm quyền và trình tự thủ tục thu hồi đất cũng như việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định pháp luật và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A.

Đại diện của Công ty TNHH xây dựng I trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng I là đơn vị được lựa chọn là nhà đầu tư thực hiện dự án tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện P. Để thực hiện việc thanh toán quỹ đất cho Nhà đầu tư theo quy định của hợp đồng, Ủy ban nhân dân huyện P đã lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết các quỹ đất đối ứng được Ủy ban nhân dân tỉnh B giới thiệu địa điểm. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện đầy đủ các trình tự pháp lý theo quy định để tiến hành thu hồi đất, giải phóng mặt bằng. Nhà đầu tư đã ứng toàn bộ kinh phí cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng huyện để thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho các hộ dân có đất thu hồi theo đúng Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Quyết định số 7584/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 về việc thu hồi đất và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, quá trình trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì có 41 hộ dân tại thôn Y, xã Tr không nhận tiền. Do vậy, để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, ngày 28/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành Quyết định số 7285/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Nhà đầu tư đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng của 41 hộ có đất thu hồi thôn Y vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước. Nay ông Nguyễn Văn A khởi kiện vụ án hành chính thì phía nhà đầu tư đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2018/HC-ST ngày 14/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh B căn cứ vào Điều 30; Điều 32; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 62, khoản 2 Điều 66,

Điều 69, Điều 70, Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 552/2014/QĐ-UBND ngày 28/12/2014; Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn A và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện P lập lại phương án bồi thường đối với diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông số tiền 612.000.000 đồng đối với diện tích 183,6m² bị thu hồi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/8/2019, bà Nguyễn Thị Th là người được ông Nguyễn Văn A ủy quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm hoặc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như người bị kiện đều vẫn giữ nguyên nội dung như đơn khởi kiện, theo đó vẫn giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án như ở phiên tòa sơ thẩm; các đương sự đều không bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nào mới. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa thể hiện quan điểm cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện là đúng quy định của pháp luật, không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về vụ án như sau:

[1] Xem xét về đối tượng khởi kiện, thủ tục tố tụng và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 28/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh B ban hành Quyết định số 7285/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với 60 hộ gia đình thôn Y, xã Tr do cố tình không nhận tiền bồi thường và không bàn giao đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Tr, huyện P, trong đó có gia đình ông Nguyễn Văn A. Ông Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định này, đồng thời yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi nhận

được Quyết định số 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P, ngày 20/11/2018, ông Nguyễn Văn A có đơn khởi kiện đến Tòa án là trong thời hạn luật định, còn thời hiệu khởi kiện, cho nên theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo từng nội dung kháng cáo và nhận thấy như sau:

Thứ nhất: Ông Nguyễn Văn A yêu cầu huỷ Quyết định số 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh B:

Về nội dung này, ông Nguyễn Văn A cho rằng, việc Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định cưỡng chế số 7285/QĐ-UBND ngày 28/09/2018 là trái với quy định của pháp luật dẫn tới việc ban hành Thông báo số 110/TB-UBND cũng không đúng vì trình tự thủ tục thu hồi đất không đúng, không khảo sát, không kiểm đếm tài sản trên đất, không niêm yết công khai phương án, sau đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh B ra quyết định cưỡng chế không đúng với quy định tại Điều 67 của Luật đất đai.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Cho đến khi có quyết định cưỡng chế thu hồi đất, trước đó Ủy ban nhân dân huyện P đã ban hành hàng loạt các quyết định có liên quan như: Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp mở rộng đường trục xã Tr, huyện P, tỉnh B theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT). Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt dự án (Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 08/6/2017), ngày 22/7/2016, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Thông báo số 54/TB-UBND về việc chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án và Kế hoạch số 661/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm giải phóng mặt bằng; đồng thời ra Quyết định số 1349/QĐ-UBND thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Tổ công tác giúp việc.

Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh B, ngày 13/12/2016, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng ban hành Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất và tiến hành niêm yết công khai phương án này. Ngày 10/01/2017, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Ngày 25/11/2017, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng ban hành Phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Ngày 31/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 7854/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

Để thực hiện chủ trương thu hồi đất, tại Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 26/4/2018, Ủy ban nhân dân xã Tr thành lập Tổ vận động tuyên truyền thu hồi đất. Sau 03 đợt vận động, đa số các hộ gia đình nhận tiền bồi thường để đảm bảo tiến

độ thực hiện dự án, song tính đến 26/5/2018 vẫn còn một số hộ gia đình không nhận tiền bồi thường và tỏ thái độ chống đối. Ngày 29/8/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh B có văn bản số 333/UBND-TNMT đồng ý cho Ủy ban nhân dân huyện P cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án. Ngày 28/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 7285/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp đối với 60 hộ gia đình, trong đó có gia đình ông Nguyễn Văn A. Quyết định cưỡng chế được Niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã Tr và Hội trường Nhà văn hóa thôn Y và giao cho gia đình ông Nguyễn Văn A theo đúng quy định của pháp luật.

Như phân tích và diễn giải nêu trên cho thấy, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành các quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là đã đảm bảo về hình thức văn bản, đúng trình tự thủ tục và nội dung theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đúng quy định tại khoản 2 Điều 66 và Điều 69 của Luật đất đai; Điều 17 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Quyết định số 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc cưỡng chế thu hồi đất và các văn bản có liên quan được ban hành là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc ông Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 7285/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh B là không có căn cứ, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về nội dung này là đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai: Về yêu cầu lập lại phương án bồi thường giải phóng mặt bằng:

Theo các Quyết định số 28/QĐ-UBND và Quyết định số 7854/QĐ-UBND nêu trên, gia đình ông Nguyễn Văn A bị thu hồi 183,6m² đất nông nghiệp giao lâu dài, tổng số tiền được bồi thường là 80.600.400 đồng. Gia đình ông A không thắc mắc về diện tích thu hồi mà cho rằng giá bồi thường do Ủy ban nhân dân huyện P áp cho gia đình ông là quá thấp, ông yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo mức giá bồi thường là 612.000.000 (Sáu trăm mười bốn triệu) đồng đối với diện tích 183,6m² bị thu hồi.

Về nội dung trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm khi cho rằng: Việc thu hồi đất theo Quyết định số 28 và Quyết định số 7854 thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, cộng đồng theo quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai nên giá bồi thường, hỗ trợ được áp dụng theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Như vậy, đối chiếu với Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp theo các Quyết định số 28/QĐ-UBND và Quyết định

số 7854/QĐ-UBND thì mức bồi thường, hỗ trợ đối với Gia đình ông A là $183,6m^2 \times 439.000đ/1m^2 = 80.600.400$ đồng là đúng quy định của pháp luật. Việc ông A yêu cầu bồi thường, hỗ trợ theo mức 1.200.000.000 đồng/sào, song không đưa ra được lý do nào thuyết phục, nên yêu cầu hủy quyết định để yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh B lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ là không có căn cứ, cho nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về nội dung này cũng là đúng quy định của pháp luật.

Tổng hợp những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A là có căn cứ, cho nên cần bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th, giữ nguyên toàn bộ quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm;
2. Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 00004561 ngày 09/9/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh B;
3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ (2), phòng HCTP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hồng Phúc